

我愛看書

wǒ ài kàn shū

Drag and Drop the pinyin to a matched picture

1			寫字 xiě zì
2			看書 kàn shū
3			玩遊戲 wán yóu xì
4			運動 yùn dòng
5			每天 měi tiān
6			睡覺 shuì jiào
7			喜歡 xǐ huān
8			畫畫 huà huà
9			玩電動 wán diàn dòng
10			看電視 kàn diàn shì